TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phong
2. Ông Nguyễn Văn Tưởng
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguuyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: số 300/4 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lý Văn N, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: số 300/4 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2023, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Lý Văn N tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyên tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chị, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian dài, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, bất đồng về kinh tế thu nhập chi tiêu trong gia đình và nhiều vấn đề khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N thường xuyên ghen tuông chửi bới chị, anh N có quan hệ tình cảm bên ngoài, chị đã nhiều lần nhẫn nhịn bỏ qua để cho anh N sửa đổi nhưng anh N vẫn không thay đổi, chị đã nhiều lần nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó chị rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm nhưng chị và anh N vẫn không hàn gắn được. Hiện nay chị và anh N đã không còn sống chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh N không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn N. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lý Thu T, sinh năm 2002 và Lý Thị Tường V, sinh năm 2003; 02 con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lý Văn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trịnh Thị T về quá trình tiến tới hôn nhân. Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng theo anh chỉ là những mâu thuẫn bất đồng nhỏ nhặt, vợ chồng có cãi nhau, trước đây anh cũng có quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng nay anh đã chấm dứt mối quan hệ đó. Anh có khuyên chị T cho anh có cơ hội sửa đổi nhưng nay chị T vẫn cương quyết nộp đơn xin ly hôn với anh, do anh còn thương vợ thương con, mong muốn hàn gắn tình cảm để con chung có đầy đủ tình cảm của cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh thì yêu cầu giải quyết như sau:

- Về con chung: có 02 con chung tên: Lý Thu Th, sinh năm 2002 và Lý Thị Tường V, sinh năm 2003; 02 con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh và chị Trịnh Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lý Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn chị Trịnh Thị T và bị đơn anh Lý Văn N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 16/9/2002, hôn nhân của anh chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét lời trình bày của chị T cho rằng,

nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh N là do trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N thường xuyên ghen tuông và anh N có quan hệ tình cảm bên ngoài. Đối với anh N thừa nhận anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, anh N muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hiện nay chị T và anh N không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù, trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh N không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh Nở không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, chị T đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với anh N, sau đó chị T rút đơn nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng anh chị lại phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được nên chị T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn và cương quyết ly hôn với anh N. Từ những cơ sở nêu trên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp. Chị Trịnh Thị T và anh Lý Văn N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.2] Về con chung: chị T và anh N trình bày 02 con chung Lý Thu T, sinh năm 2002 và Lý Thị Tường V, sinh năm 2003; 02 con chung đã trưởng thành, chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung: chị T và anh N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: chị T và anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị T phải nộp án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T đối với anh Lý Văn N. Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Lý Văn N. Ghi nhận chị Trịnh Thị T và anh Lý Văn N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: có 02 chung Lý Thu Th, sinh ngày 01/3/2002 và Lý Thị Tường V, sinh ngày 23/6/2003; các con chung đã trưởng thành, chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết**.**

3. Về chia tài sản chung: chị Trịnh Thị T và anh Lý Văn N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Trịnh Thị T và anh Lý Văn N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002019 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Hồ Văn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Sơn Lê Khắc Hiệp **Hồ Văn Tú**